

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07-4-2021

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Thanh Tùng

Ông Lê Văn Qui

Thư ký phiên tòa: Ông Châu Thanh Quyền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020. Về việc: “Tranh chấp ly hôn” Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXX-ST ngày 10 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Ngọc B, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Ấp 8, xã LT, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn S, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Ấp 6, xã LT A, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào ngày 02/8/2004 chị B và anh S có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã LT, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, hôn nhân do vợ chồng anh chị cùng tự nguyện.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Sau khi chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, vợ chồng anh chị đã ly thân từ năm 2006 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị B yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn S.

Về con chung: Chị B và anh S có 01 con chung tên Huỳnh Quốc K (giới tính: nam), sinh ngày 16/5/2005. Hiện nay cháu K đang sống chung với chị B, sau khi ly hôn chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, từ khi Tòa án thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn Huỳnh Văn S để tiến hành phiên họp, phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi được lời khai của bị đơn cũng như bị đơn không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi tòa án thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán được phân công đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48, 198 Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, gửi quyết định xét xử cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo thủ tục quy định về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn còn chưa thực hiện tốt việc chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Trần Thị Ngọc B ly hôn với anh Huỳnh Văn S. Về con chung chị B được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Huỳnh Quốc K, chị B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét; Về án phí nguyên đơn phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Huỳnh Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt anh S.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc B và anh Huỳnh Văn S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LT, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang vào ngày 02/8/2004 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn chị B và anh S đã chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2006 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy thời gian ly thân kéo dài nhưng vợ chồng anh chị không thể hàn gắn được, từ đó chứng minh rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Ngọc B.

[4] Về con chung: Chị B và anh S có 01 con chung tên Huỳnh Quốc K (giới tính: nam), sinh ngày 16/5/2005. Hiện nay cháu K đang sống chung với chị B, sau khi ly hôn chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 01/10/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ thì từ khi vợ chồng chị B ly thân cho đến nay, chị B là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chị B đủ điều kiện để chăm sóc tốt cho cháu, cũng như tại bản tự khai cháu K có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ. Vì vậy căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình xét thấy yêu cầu nuôi con của chị Trần Thị Ngọc B là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, chị B không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc B phải chịu theo quy định pháp luật.

Xét đề nghị của kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9; Điều 51; Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Ngọc B được ly hôn với anh Huỳnh Văn S.

Về con chung: chị B được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Huỳnh Quốc K (giới tính: nam), sinh ngày 16/5/2005. Chị B không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh S không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Ngọc B phải chịu số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp sang án phí theo lai thu số 0005100 phiếu lập ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 07/4/2021). Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi bị đơn cư trú.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi Nhận:

- VKSND thị xã Long Mỹ;
- THADS thị xã Long Mỹ;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã LT;
- Lưu HS;

đã ký

Đào Thị Thủy